

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách năm 2015**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng dự toán thu, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ nhiệm vụ chi ngân sách năm 2015 như sau :

- A. Tổng thu ngân sách trên địa bàn : 106.735 triệu đồng .
- I. Các khoản thu cân đối NSNN : 103.135 triệu đồng
- Trong đó :
- Thu từ xí nghiệp quốc doanh : 5.900 triệu đồng .
 - Thu thuế ngoài quốc doanh : 43.455 triệu đồng .
 - Phí - Lệ phí : 4.650 triệu đồng.
 - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp : 460 triệu đồng.
 - Tiền thuê đất : 900 triệu đồng.
 - Thuế thu nhập cá nhân: 1.300 triệu đồng.
 - Thuế trước bạ: 5.150 triệu đồng.
 - Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 320 triệu đồng.
 - Thu tiền sử dụng đất : 35.000 triệu đồng.
 - Thu khác ngân sách : 3.800 triệu đồng.
- Trong đó: Thu phạt vi phạm an toàn giao thông: 2.500 triệu đồng.
- Các khoản thu khác tại xã, TT: 2.200 triệu đồng.
- II. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN: 3.600 triệu đồng .

B. Nhiệm vụ thu ngân sách của các xã, thị trấn và đơn vị :

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Địa phương , đơn vị	Dự toán thu năm 2015
1	Phổ Châu	858
2	Phổ Thạnh	1.828
3	Phổ Khánh	825
4	Phổ Cường	1.030
5	Phổ Hòa	586

6	Phổ Vinh	603
7	Phổ Minh	569
8	Thị trấn	3.477
9	Phổ Ninh	1.010
10	Phổ Nhon	394
11	Phổ Phong	798
12	Phổ Thuận	739
13	Phổ Văn	1.237
14	Phổ An	760
15	Phổ Quang	778
16	Các đơn vị khác	91.243
	Tổng cộng	106.735

C. Tổng chi ngân sách :

383.557 triệu đồng .

Đơn vị tính: Triệu đồng

	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	383.557
A	CHI TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	379.957
I	Chi đầu tư phát triển	76.239
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	76.239
2	Chi mua sắm trang thiết bị	0
II	Chi thường xuyên	260.878
1	Chi quốc phòng	763
2	Chi an ninh	1.966
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	163.857
4	Chi y tế	0
5	Chi khoa học công nghệ	183
6	Chi văn hoá thông tin	3.142
7	Chi phát thanh, truyền hình	1.935
8	Chi thể dục thể thao	662
9	Chi đảm bảo xã hội	17.384
10	Chi sự nghiệp kinh tế	11.476
11	Chi sự nghiệp môi trường, đô thị	3.758
12	Chi quản lý hành chính	46.045
13	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	460
15	Chi trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi	1.625
16	Chi thường xuyên khác	7.622
III	Dự phòng (đối với dự toán)	8.280

IV	Chi nguồn trợ cấp có mục tiêu ngân sách cấp trên	34.560
B	CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI QUẢN LÝ QUA NSNN	3.600

D. Phương án phân bổ chi ngân sách huyện:

TT	Nội dung chi	Dự toán (Triệu đồng)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (PHẦN I+ PHẦN II+ PHẦN III)	383.557
	PHẦN I: CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	362.693
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	302.033
A.1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	68.639
I	Nguồn vốn đầu tư XDCB theo phân cấp từ ngân sách tỉnh	19.707
II	Nguồn thu từ quỹ đất	27.400
III	Nguồn vốn phát triển đô thị	14.532
IV	Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục	7.000
A.2	CHI THƯỜNG XUYÊN	226.336
I	Chi quản lý hành chính	11.013
	Văn phòng HĐND và UBND huyện (Trong đó: Kinh phí phục vụ công tác tiếp dân: 35 triệu đồng; Kinh phí chỉnh lý hồ sơ, tài liệu: 300 triệu đồng)	2.436
1		
2	Chi hoạt động của UBND huyện	1.200
3	Chi hoạt động của Thường trực HĐND	315
4	Chi hoạt động HĐND huyện (kể cả chi phụ cấp 2 phó Ban của HĐ)	400
5	Chi mua báo Người Đại biểu nhân dân (cấp huyện)	64
6	Chi sinh hoạt phí HĐND Huyện	196
7	Kinh phí hoạt động bộ phận một cửa hiện đại tại Văn phòng HĐND và UBND huyện	100
8	KP họp mặt cán bộ lãnh đạo của huyện qua các thời kỳ, thăm các gia đình chính sách, các cơ quan, đơn vị nhân dịp Tết nguyên đán	150
9	Phòng Tư pháp	351
10	Phòng Tài chính - kế hoạch (Trong đó: KP chỉnh lý hồ sơ tài liệu: 138 triệu đồng)	923
11	Phòng Nội vụ	509
12	Phòng Lao động - TBXH	678
13	Thanh tra NN Huyện	498

14	Phòng Tài nguyên môi trường (Trong đó: Kinh phí chính lý hồ sơ, tài liệu: 150 triệu đồng)	901
15	Phòng Nông nghiệp PTNT	515
16	Phòng Giáo dục (Chi hành chính)	367
17	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	738
18	Phòng Y tế (Trong đó: Kinh phí tổ chức Ngày Thầy thuốc 27/2: 20 triệu)	264
19	Phòng Văn hoá và thông tin huyện	408
II	Chi hoạt động Đảng cộng sản Việt Nam (cấp huyện)	6.350
1	Huyện uỷ	3.941
2	Chi hoạt động ngoài định mức của huyện uỷ và TT huyện uỷ	980
3	Chi phụ cấp trách nhiệm huyện uỷ viên	248
4	KP khen thưởng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh	96
5	KP thực hiện Quyết định 889-QĐ/TU	900
6	KP mua Tạp chí Kiểm tra đảng cấp cho các chi, đảng bộ cơ sở	16
8	KP học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	100
9	KP phụ cấp báo cáo viên	69
III	UBMT và các Hội đoàn thể	3.407
1	UBMT Tổ Quốc Việt Nam huyện (Trong đó: Kinh phí hoạt động theo QĐ 76/2013/QĐ-TTg : 150 triệu đồng và KP sinh hoạt phí của UVUBMT theo QĐ số 33 của Thủ tướng Chính phủ: 33 triệu)	1.394
2	Đoàn thanh niên (Trong đó KP hoạt động của Hội LHTN Việt Nam huyện Đức Phổ và Đội TNTP Hồ Chí Minh huyện: 70 triệu đồng)	546
3	Hội Phụ nữ (Trong đó KP thực hiện Đề án « Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt nam thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước » và Đề án « Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi, dạy con tốt: 30 triệu đồng	584
4	Hội Nông dân (Trong đó: KP tổ chức Hội thi Tiếng hát đồng quê, tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 26 và tổng kết 5 năm phong trào nông dân SXKD giỏi: 50 triệu)	577
5	Hội cựu chiến binh (Kể cả chi phụ cấp Chủ tịch, Phó CT Hội cựu chiến binh các khối : UBND huyện, Huyện uỷ và Đoàn thể 20 triệu)	306
IV	Chi hoạt động sự nghiệp	15.892
1	Chi hoạt động sự nghiệp VH-TT-TT(kể cả KP hoạt động toàn dân ĐKXDĐSVH và KP hoạt động của Nhà Văn hóa huyện)	1.559

2	Phòng Văn hóa và thông tin: Sự nghiệp thể dục thể thao	199
3	Đài truyền thanh	803
4	Trạm chuyển tiếp truyền hình phía nam tỉnh tại xã Phở Thanh	123
5	Chi nâng cấp, sửa chữa Đài truyền thanh cấp xã (Phở Thuận: 120 triệu, Phở An: 150 triệu; Thị trấn: 120 triệu; Phở Vinh: 150 triệu; Phở Cường: 120 triệu đồng)	660
6	Trạm Khuyến nông (kể cả KP chi khuyến nông thuộc cấp huyện)	1.337
7	Hội Chủ thập đỏ	217
8	Đội thi công quản lý duy tu và bảo dưỡng đường bộ	129
9	Trung tâm phát triển quỹ đất	533
10	Ban quản lý Cụm CN- làng nghề	318
11	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	622
12	Đội vệ sinh và môi trường	1.592
13	Kinh phí hoạt động Ban chỉ huy PCLB và TKCN	90
14	Kinh phí hoạt động của Ban an toàn giao thông huyện	200
15	Phòng Y tế (KP sự nghiệp kể cả KP hỗ trợ các đoàn kiểm tra ngành y tế do huyện thành lập)	148
16	Bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	124
17	Phòng Nội Vụ (sự nghiệp về công tác văn thư, lưu trữ)	61
18	Chi sự nghiệp làm công việc tạp vụ tại Văn phòng HĐND và UBND huyện (kể cả KP chi trả tiền điện của Hội trường UBND huyện: 50 triệu)	204
19	Kinh phí duy trì vận hành điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn huyện (Công ty cổ phần dịch vụ điện Đức Phổ:)	1.850
20	Chi sự nghiệp giao thông	2.400
a	Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện: Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường huyện quản lý	1.500
b	UBND Thị trấn Đức Phổ: Xây dựng đảo giao thông tại Ngã 4 QL1A- Mỹ Á- Khu Công nghiệp.	900
21	Chi sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn	100
	- Kinh phí công tác phòng cháy chữa cháy (Công an: 40 triệu, hạt Kiểm lâm huyện: 60 triệu)	100
22	Chi sự nghiệp phát triển công nghệ thông tin	183
a	Phòng Văn hóa và thông tin huyện: Chi hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin	103
b	Văn phòng HĐND và UBND huyện: Kinh phí duy trì hoạt động trang tin điện tử của Huyện	80
23	Kinh phí các dự án qui hoạch	800
a	Quy hoạch giao thông cấp huyện	500
b	Kế hoạch sử dụng đất năm 2015	300

24	Chi sự nghiệp môi trường, đô thị, cây xanh...	1.640
a	- Phòng Tài nguyên và môi trường: Kinh phí phục vụ công tác môi trường	100
b	- Đội vệ sinh và môi trường: Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh	1.500
d	- Công an huyện: KP hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm về môi trường	40
V	Chi công tác đảm bảo xã hội	16.072
1	Chi cứu tế thường xuyên (kể cả mua bảo hiểm y tế)	14.112
2	Chi công tác xã hội khác	1.500
3	Hỗ trợ người nghèo vùng khó khăn theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg	460
VI	Chi công tác trật tự ATXH (Công an huyện; Kể cả kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác: 100 triệu đồng)	669
VII	Chi công tác quốc phòng	517
1	Huyện đội (kể cả KP thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác: 100 triệu đồng)	457
2	Chi phục vụ công tác khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự (Phòng Y tế)	60
VIII	Chi công tác thi đua khen thưởng của huyện (không bao gồm chi khen thưởng công tác an ninh, quốc phòng)	400
IX	Chi thường xuyên khác	4.834
1	Chi hỗ trợ hoạt động Hội người cao tuổi (Trong đó: Kinh phí hỗ trợ Hội nghị kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Hội : 15 triệu đồng) (*)	39
2	Chi hỗ trợ hoạt động Hội người mù (*)	61
3	Chi hỗ trợ hoạt động Hội Khuyến học (*)	24
4	Chi hỗ trợ hoạt động Hội Cựu giáo chức (*)	38
5	Chi hỗ trợ hoạt động Hội tù yêu nước (*)	26
6	Chi hỗ trợ hoạt động Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin (Trong đó kể cả KP hỗ trợ hoạt động của Trung tâm phục hồi chức năng của hội: 75 triệu đồng) (*)	122
7	Chi hỗ trợ hoạt động Hội Cựu thanh niên xung phong (*)	26
8	Chi hỗ trợ hoạt động Hội Luật gia	94
9	Chi hỗ trợ hoạt động Hội Đông y	99
10	Hỗ trợ hoạt động Đoàn biên phòng Sa Huỳnh	80
11	Hỗ trợ hoạt động Đoàn biên phòng Phổ Quang	70
12	Chi hỗ trợ hoạt động Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ	25
13	Chi công tác giáo dục phổ biến pháp luật và công tác kiểm tra văn bản	100
14	KP xúc tiến kêu gọi đầu tư	150

15	KP hỗ trợ hoạt động Viện kiểm sát nhân dân huyện	40
16	KP hỗ trợ hoạt động của Tòa án nhân dân huyện	40
17	KP đại hội Đảng các cấp (phần NS huyện bổ sung)	1.000
18	KP tổ chức các ngày Lễ lớn trong năm	2.000
19	Kinh phí thực hiện đề án đào tạo nguồn nhân lực	800
X	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm chưa bố trí dự toán đầu năm	1.500
XI	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề	163.857
1	Quỹ đào tạo ngân sách huyện	500
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện (Trong đó: KP hoạt động của câu lạc bộ Nguyễn Nghiêm: 25 triệu đồng)	834
3	Kinh phí sự nghiệp giáo dục	162.373
4	KP hỗ trợ hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng	150
XII	Chi trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi	1.625
XII I	Bổ sung nguồn vốn cho vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện	200
A.3	Dự phòng chi ngân sách cấp huyện	7.058
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ, TT	60.660
I	Chi đầu tư từ nguồn thu quỹ đất	7.600
II	Chi thường xuyên	53.060
1	Chi quản lý hành chính	21.863
2	Chi sự nghiệp phát thanh	349
3	Chi sự nghiệp văn hóa - TT	1.583
4	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	463
5	Chi đảm bảo xã hội	1.772
6	Chi an ninh	1.297
7	Chi quốc phòng	246
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.343
9	Chi sự nghiệp môi trường,	526
10	Chi thường xuyên khác	122
11	Dự phòng chi ngân sách xã, thị trấn	1.222
12	Chi KP hỗ trợ lực lượng dân quân bảo vệ cơ quan theo QĐ 177/QĐ-UBND	966
13	Kinh phí hỗ trợ Đội công tác xã hội tình nguyện	512
14	Chi hỗ trợ các xã, thị trấn mua sắm và sửa chữa tài sản	2.500
15	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp huyện	17.296
	PHẦN II: CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN TRỢ CẤP CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	17.264
	PHẦN III: CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN THU ĐƯỢC ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH NN	3.600

Để có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện; Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ nhiệm vụ chi năm 2015.

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét quyết định. *LS*

Nơi nhận :

- TTHU;
- TTHĐND;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu VPUB.

CHỦ TỊCH



LSM
Lê Văn Mùi